

Số: 193/QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra
chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 568/QĐ-HVPNVN ngày 29/5/2025 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành kèm Quyết định 1329/QĐ-HVPNVN ngày 16/12/2024 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo đào tạo;
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kinh tế trình độ đại học, mã số: 7310101 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2026 - 2027.

Điều 3. Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế và Tài chính, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu VT, ĐT.



Trần Quang Tiến

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH KINH TẾ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 193/QĐ-HVPNVN, ngày 06 tháng 3 năm 2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Chất lượng cao ngành Kinh tế
 - + Tên tiếng Anh: Economics (Honors Program)
- Ngành đào tạo: Kinh tế
- Mã số ngành đào tạo: 7310101
- Thời gian đào tạo: Đại học
- Ngôn ngữ đào tạo: 04 năm
- Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Kinh tế (Chương trình đào tạo chất lượng cao)
Degree of Bachelor in Economics (Honors Program)
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kinh tế trình độ đại học tại Học viện phụ nữ Việt Nam định hướng nghề nghiệp quốc tế, hướng đến đào tạo những cử nhân kinh tế chất lượng cao, với nền tảng vững chắc về lý thuyết kinh tế, thành thạo tiếng Anh chuyên ngành và kỹ năng chuyên môn. Trọng tâm của Chương trình đào tạo là giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề kinh tế, xây dựng và đánh giá chính sách, áp dụng kiến thức kinh tế vào thực tiễn doanh nghiệp và quản lý Nhà nước về kinh tế. Sinh viên tốt nghiệp được kỳ vọng có ý thức đạo đức, trách nhiệm xã hội, nhạy cảm về giới, tư duy phản biện và khả năng học tập suốt đời, giúp họ thích ứng với thị trường lao động toàn cầu chịu tác động mạnh mẽ của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; Hình thành lập trường, quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng nhận thức, phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Phát triển năng lực nghề nghiệp để trở thành chuyên gia, nhà quản lý tại các vị trí công việc liên quan đến quản lý, điều hành kinh tế tại các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế;

PO3: Có kiến thức nền tảng về kinh tế học và kiến thức chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư, kinh tế quốc tế; có khả năng khai thác tài liệu, học tập và cập nhật tri thức chuyên ngành bằng tiếng Anh.

PO4: Phát triển năng lực phát hiện, phân tích, tổng hợp, phản biện và giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; có khả năng vận dụng các mô hình kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế; ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn; có khả năng sử dụng tiếng Anh để phân tích, trình bày và báo cáo các vấn đề kinh tế trong môi trường học thuật và nghề nghiệp; có năng lực tự học suốt đời và khả năng tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong lĩnh vực kinh tế.

PO5: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có bản lĩnh vượt qua các khó khăn, thử thách, có tư duy đổi mới sáng tạo, có năng lực tự định hướng và có trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể cũng như ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực số phục vụ công việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Hiểu và giải thích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

PLO2: Vận dụng các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội, phương pháp luận, thế giới quan khoa học, công nghệ thông tin và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp;

PLO3: Vận dụng kiến thức về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, các mô hình kinh tế và các phương pháp để phân tích, đánh giá và hỗ trợ ra quyết định đối với các vấn đề kinh tế, kinh doanh và quản lý của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức; Áp dụng các kiến thức kinh tế và kinh doanh vào việc ra quyết định của cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức; Phân tích các vấn đề kinh tế, kinh doanh chuyên sâu của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức; có khả năng khai thác và sử dụng tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh trong học tập và phân tích chuyên môn.

PLO4: Diễn giải và phân tích được các thông tin, dữ liệu tài chính doanh nghiệp; hoạt động của thị trường tài chính như: chứng khoán, ngân hàng, đầu tư tài chính, quỹ đầu tư; hoạt động kinh doanh và đầu tư bất động sản; các hình thức tài chính số, tiền kỹ thuật số, tài sản số.

PLO5: Áp dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương, đầu tư quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, kinh tế logistics và hoạt động kinh tế có yếu tố nước ngoài; có khả năng tiếp cận, cập nhật và vận dụng tri thức chuyên ngành từ các nguồn tài liệu và môi trường làm việc quốc tế bằng tiếng Anh.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO6: Vận dụng quan điểm, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước để phân tích và giải quyết các vấn đề trong phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước về kinh tế.

PLO7: Làm chủ kỹ năng giao tiếp, truyền tải thông tin về công việc; quản lý thời gian và tổ chức công việc cá nhân hợp lý; vận dụng các kỹ năng quản lý và lãnh đạo như: giải quyết vấn đề, ra quyết định, đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế; có khả năng giao tiếp và trao đổi công việc bằng tiếng Anh trong môi trường chuyên môn.

PLO8: Thực hiện đánh giá chất lượng công việc trong điều kiện làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng viết các báo cáo chuyên đề và báo cáo khoa học về các chủ đề kinh tế, kinh doanh.

PLO9: Vận dụng tư duy khoa học và phương pháp luận để phát hiện, phân tích, tổng hợp, phản biện và đề xuất giải pháp cho các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số; có khả năng trình bày, thảo luận và báo cáo các vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh.

PLO10: Vận dụng kiến thức chuyên môn và các nguyên tắc cơ bản về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo để đề xuất ý tưởng, xây dựng được kế hoạch khởi nghiệp và triển khai giải pháp trong lĩnh vực kinh tế; thực hiện thành thạo các bước cơ bản của nghiên cứu khoa học kinh tế nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn.

PLO11: Có khả năng lập kế hoạch đầu tư tài chính, phân tích được tình hình tài chính doanh nghiệp, lựa chọn được phương án đầu tư hiệu quả và vận dụng các công cụ tài chính phù hợp; có khả năng tham gia hoạt động kinh tế trong lĩnh vực đầu tư, chứng khoán, bất động sản, tư vấn tài chính.

PLO12: Thực hiện lập kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế; triển khai các nghiệp vụ xuất nhập khẩu và dịch vụ logistics quốc tế; có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, đàm phán và thực hiện nghiệp vụ trong môi trường kinh doanh quốc tế.

3.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng; tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có tinh thần trách nhiệm, tính tự giác trong học tập và rèn luyện góp phần xây dựng đất nước.

PLO14: Tự giác, tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức mới về nghề nghiệp; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; có trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; chịu trách nhiệm về các công việc được giao; có kỷ luật cao và tinh thần làm việc chuyên nghiệp; đề cao tính chính xác của dữ liệu và thông tin;

PLO15: Có năng lực làm việc trước thay đổi của bối cảnh toàn cầu, có năng lực dẫn dắt, chủ động hướng dẫn, giám sát công việc của các thành viên trong nhóm để thực hiện nhiệm vụ xác định.

3.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ

PLO16: Đạt năng lực tiếng Anh bậc 4/6 – B2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương CEFR B2); Đủ năng lực học tập và làm việc trong môi trường song ngữ Việt – Anh, trong đó có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành.

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ năng lực tiếng Anh tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

Chứng chỉ	Mức tương đương Bậc 4 (B2)	Ghi chú
VSTEP	Bậc 4	Theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam
IELTS Academic/General	5.5 – 6.5	Nhiều trường chấp nhận từ 5.5
TOEFL iBT	72 – 94	Không áp dụng TOEFL ITP cho B2
TOEIC (4 kỹ năng)	650 – 785	Một số trường yêu cầu đủ cả 4 kỹ năng
TOEIC (Nghe & Đọc)	750 – 850	Cần bổ sung Nói & Viết nếu có yêu cầu
Cambridge English	B2 First (FCE)	Trước đây gọi là First Certificate
APTIS (British Council)	Overall \geq B2	Áp dụng cho cả 4 kỹ năng
Pearson PTE Academic	51 – 64	Quy đổi theo CEFR
Trinity ISE	ISE II	Tương đương CEFR B2

3.5. Chuẩn đầu ra về năng lực tin học (IT)

PLO17: Đạt được các năng lực số áp dụng đối với sinh viên không theo học các ngành thuộc lĩnh vực khoa học máy tính và công nghệ thông tin; được Học viện xây dựng và phê duyệt trong đề cương chi tiết Học phần năng lực số trên cơ sở tham khảo các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/1/2025 quy định Khung năng lực số cho người học).

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kinh tế trình độ đại học có khả năng làm việc tại những vị trí công việc như sau:

Có đủ năng lực để làm việc tại các tổ chức kinh tế chính trị xã hội mang tính liên ngành; các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các thể chế kinh tế quốc tế tại Việt Nam; có thể đảm nhiệm các công việc như trợ lý phân tích, phản biện và hoạch định chính sách kinh tế; trợ lý tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý; triển vọng có thể trở thành các chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn chuyên nghiệp, các nhà quản lý kinh tế học phân kinh tế học, kinh tế chính trị quốc tế, các lý thuyết về thể chế kinh tế; triển vọng có thể trở thành các nghiên cứu viên, giảng viên về kinh tế học.

Có khả năng phát triển để trở thành các vị trí lãnh đạo, quản lý tại các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động trong môi trường kinh doanh của Việt Nam và quốc tế;

Là chuyên viên chuyên trách tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: Có khả năng đảm nhận các chuyên môn tại các vị trí liên quan đến kinh doanh xuất nhập khẩu, công việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công việc tại các tập đoàn kinh tế

quốc tế, công việc tại các doanh nghiệp đầu tư tài chính, chứng khoán, bảo hiểm và ngân hàng. Chuyên viên, quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế;

Là chuyên viên tại các ban/ cơ quan phụ trách về phát triển kinh tế cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã/ phường.

Là nghiên cứu viên và giảng viên trong các trường đại học, các viện nghiên cứu đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế;

Phát triển trở thành các nhà tư vấn độc lập về các vấn đề liên quan đến kinh tế, đầu tư.

5. Ma trận chuẩn đầu ra

5.1. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	Mục tiêu chương trình đào tạo				
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
1.	PLO1	3	2	2	1	1
2.	PLO2	3	2	2	2	2
3.	PLO3	2	3	2	2	2
4.	PLO4	2	3	2	3	3
5.	PLO5	2	3	2	3	3
6.	PLO6	2	2	3	2	2
7.	PLO7	1	1	2	3	2
8.	PLO8	1	1	3	2	2
9.	PLO9	2	2	2	1	1
10.	PLO10	1	2	3	2	1
11.	PLO11	1	2	3	2	1
12.	PLO12	1	1	2	1	1
13.	PLO13	1	1	2	1	1
14.	PLO14	2	2	1	2	1
15.	PLO15	1	1	1	3	3
16.	PLO16	1	1	2	3	3
17.	PLO17	1	1	2	2	2

Ghi chú: 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao.

5.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

STT	TÊN HỌC PHẦN	BỘ CHUẨN ĐẦU RA																
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
1.	Triết học Mác – Lênin	3	2	2	1								1	2				
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3	2	2	1								1	2				
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2	1								1	2				
4.	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	2	2	1								1	2				
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2	2	1								1	2				
6.	Pháp luật đại cương	2	2											2				
7.	Tâm lý học kinh tế																	
8.	Tiếng Anh 1																	3
9.	Tiếng Anh 2																	3
10.	Tiếng Anh 3																	3
11.	Tiếng Anh 4																	3
12.	Logic học đại cương	2	2															
13.	Năng lực số cơ bản	1																2
14.	Năng lực số nâng cao	1																2
15.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán																	
16.	Giáo dục thể chất																	1
17.	Giáo dục quốc phòng an ninh	2																



STT	TÊN HỌC PHẦN	BỘ CHUẨN ĐẦU RA																
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
18.	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả							2	2	2								
19.	Kỹ năng thuyết trình, đàm phán và ký kết hợp đồng							2	2	2								
20.	Kỹ năng lãnh đạo quản lý							2	2	2			2	2				
21.	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định							2	2	2			2	2			1	
22.	Kinh tế vi mô	1		2	3													
23.	Kinh tế vĩ mô	1		2	3													
24.	Kinh tế lượng				2													
25.	Kinh tế học đổi mới sáng tạo và công nghệ*	2			3													
26.	Kinh tế phát triển*	2			3				2									
27.	Nguyên lý kế toán	1			3												2	
28.	Kinh tế quốc tế I*	1		2	3				2									
29.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	1	1	2	3				2									
30.	Kinh tế đầu tư I*	1		2	3				2									
31.	Luật kinh tế	2		2	2													
32.	Giới trong Kinh tế và Quản trị*	2	2	2					2								2	
33.	Khởi nghiệp kinh doanh	1	2	2					2						2	2	2	



STT	TÊN HỌC PHẦN	BỘ CHUẨN ĐẦU RA																
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
34.	Phân tích kinh tế vi mô*	1		2	3				2									
35.	Phân tích kinh tế vĩ mô*	1		2	3				2									
36.	Kinh tế số*	2		2	3				2									
37.	Kinh tế học về thuế*	2		2	3				2									
38.	Kiến tập ngành								3						2	2	2	1
39.	Tiếng Anh nâng cao 1*																	
40.	Tiếng Anh nâng cao 2*																	
41.	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế 1																	3
42.	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế 2																	3
43.	Kinh doanh quốc tế 2	2		2	3				2									
44.	Hội nhập Kinh tế quốc tế	1	1	2					2		2							
45.	Nghiệp vụ ngoại thương*	1		2					1		2							
46.	Quản trị dự án đầu tư*	1		2					3		2							
47.	Phân tích và đầu tư chứng khoán	1		2					2		3							
48.	Kinh doanh và Đầu tư bất động sản*	1		2					3		3							
49.	Kinh tế đầu tư 2	2	2	2					3									

STT	TÊN HỌC PHẦN	BỘ CHUẨN ĐẦU RA																
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
50.	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	2	2	2					2		2							
51.	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh*	1		2					2		2							
52.	Thông kê kinh tế*	1		2					2									
53.	Tài chính doanh nghiệp	1		2														
54.	Phân tích đầu tư	1		2					2									
55.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	1		2					3	3								
56.	Kinh tế lượng nâng cao	1		2						2								
57.	Phân tích chính sách kinh tế và xã hội	2	2	2					2									
58.	Kinh tế môi trường	1		2	2													
59.	Quản trị rủi ro	1		2	2													
60.	Hệ thống thông tin quản lý	1		2	2													
61.	Quản trị chuỗi cung ứng	1		2	2													
62.	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên								3	3	2							
63.	Thực tập tốt nghiệp	2	2				2		3						3	3	3	2
64.	Khóa luận tốt nghiệp	2	2				2		3						3	3	3	2

6. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

6.1 Kế hoạch thực hiện chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC



PGS. TS. Trần Quang Tiến